

Số: 15 /2017/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTG ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 495/TTr-STC ngày 10 tháng 3 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị- xã hội do ngân sách đảm bảo kinh phí, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án, Chương trình sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm thi hành./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Máy móc, thiết bị hoạt động công tác chuyên môn của cơ quan tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, gồm:

- a) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức;
- b) Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị tại phòng làm việc;
- c) Máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng hoạt động chung (phòng họp, hội trường, phòng lưu trữ);
- d) Máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị để phục vụ công tác chuyên môn;
- e) Hệ thống mạng tin học (máy chủ và các thiết bị kèm theo), hệ thống điện thoại tổng đài, hệ thống thiết bị điện (hệ thống điều hòa trung tâm, hệ thống quạt thông gió cho cả tòa nhà, hệ thống đèn thấp sáng và các thiết bị điện khác có liên quan) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án, chương trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC THIẾT BỊ

Điều 3. Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức

1. Gồm bộ bàn ghế ngồi làm việc, tủ, giá kệ đựng tài liệu, máy vi tính để bàn, lưu điện, máy vi tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương đương, máy in, điện thoại cố định, bộ bàn ghế tiếp khách.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg).

Điều 4. Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị tại phòng làm việc

1. Gồm bộ bàn ghế họp, bộ bàn ghế tiếp khách; máy in, máy fax, máy photocopy, máy scan, máy hủy tài liệu, máy điện thoại và máy móc, thiết bị khác;

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg.

Điều 5. Máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng hoạt động chung (phòng họp, hội trường, phòng lưu trữ)

1. Gồm bàn ghế hội trường, máy chiếu (bao gồm màn chiếu), thiết bị họp trực tuyến, máy điều hòa, máy hút âm, hệ thống âm thanh, thiết bị phòng cháy chữa cháy;

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thực hiện theo Phụ lục I kèm theo quyết định này.

Điều 6. Máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị hoạt động công tác chuyên môn

1. Gồm máy móc, thiết bị chuyên ngành có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ hoặc không có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ nhưng có tính năng để sử dụng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, đơn vị và không thuộc danh mục máy móc, thiết bị tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 quy định này;

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị chuyên dùng có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thực hiện theo Phụ lục II kèm theo quyết định này.

Trường hợp phát sinh nhu cầu trang bị các máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản nhưng chưa có trong danh mục tại Phụ lục II ban hành kèm theo quyết định này, giao Sở Tài chính quyết định về số lượng, chủng loại, giá mua máy móc, thiết bị để trang bị cho cơ quan, tổ chức, đơn vị theo khoản 4, Điều 9 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg và trong phạm vi thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng phân cấp. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để bổ sung danh mục cho phù hợp với tình hình thực tế;

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt từng trường hợp cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Chương III **QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

Điều 7. Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu thực tế, khả năng ngân sách của cơ quan, tổ chức, đơn vị và thẩm quyền quản lý tài sản nhà nước được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng phân cấp, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được quyết định việc mua sắm, thanh lý, điều chuyển, cho thuê, thuê, góp vốn, liên doanh liên kết thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh, cán bộ, công chức, viên chức và cho các phòng làm việc tại các cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền phân cấp cho phù hợp.

Điều 8. Quy định về thay thế, trang bị mới

1. Việc thay thế máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho công chức, viên chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3 Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 19/2016/TT-BTC) đối với thiết bị chuyên dùng được thực hiện khi thiết bị đã quá thời gian sử dụng theo quy định mà không thể tiếp tục sử dụng được hoặc đã bị hỏng nhưng việc sửa chữa để tiếp tục sử dụng không hiệu quả;

2. Trang bị mới thực hiện từ các nguồn tài sản điều chuyển từ đơn vị thừa tiêu chuẩn, mua sắm mới hoặc thuê;

Việc trang bị không được vượt quá tiêu chuẩn, định mức sử dụng theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg và tại Điều 5, Điều 6 quy định này. Trường hợp giá mua máy móc, thiết bị cao hơn không quá 10% so với mức giá quy định, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể;

Trình tự, thủ tục mua sắm máy móc, thiết bị thực hiện theo quy định Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Quy định về thuê và khoán kinh phí máy móc, thiết bị

1. Đối với máy móc, thiết bị (phổ biến và chuyên dùng) có nhu cầu sử dụng trong thời gian dưới 12 tháng hoặc chỉ sử dụng tối đa không quá 3 lần/năm mà trên thị trường có cung cấp dịch vụ cho thuê, phải thực hiện hình thức thuê, không trang bị mua sắm mới máy móc, thiết bị khác; cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền (tại Điều 7 Quy định này) cho thực hiện phương thức thuê khi xác định có hiệu quả hơn việc mua sắm;

2. Đối với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến để làm việc mà cán bộ, công chức, viên chức tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến để làm việc thì được khoán theo quy định tại Điều 12 Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg; mức khoán kinh phí được xác định theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 19/2016/TT-BTC.

Điều 10. Quy định về sử dụng thiết bị, máy móc vào sản xuất kinh doanh dịch vụ, cho thuê và liên doanh, liên kết

1. Máy móc, thiết bị tại các cơ quan nhà nước không được sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê và liên doanh liên kết;

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp sẽ được sử dụng máy móc, thiết bị vào mục đích sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê và liên doanh liên kết;

3. Các trường hợp đưa máy móc, thiết bị vào sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho thuê và liên doanh, liên kết không đúng quy định phải phải nộp toàn bộ các khoản thu từ việc sử dụng máy móc, thiết bị vào ngân sách nhà nước.

Điều 11. Quy định về chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng máy móc thiết bị phải thực hiện hạch toán, thống kê, theo dõi tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê;

2. Thực hiện báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính cùng cấp trong các trường hợp:

- Có thay đổi về máy móc, thiết bị do mua sắm mới, thanh lý, điều chuyển hoặc thay đổi cơ quan quản lý (chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có thay đổi, biến động);

- Báo cáo định kỳ hàng năm (chậm nhất ngày 31/01) tình hình quản lý, sử dụng đối với tài sản chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản theo quy định;

Trường hợp cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, Sở Tài chính, Phòng Tài chính-Kế hoạch có quyền yêu cầu Kho bạc nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó.

Chương III **TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành theo Quyết định này;

2. Hàng năm, tổng hợp tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bổ sung danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng có nguyên giá mua ban đầu dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản theo Phụ lục II cho phù hợp với tình hình thực tế phát sinh;

3. Thẩm định, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh) từng trường hợp cụ thể khi các cơ quan, đơn vị có nhu cầu trang bị mới thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản (về danh mục, số lượng, giá tối đa);

4. Hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính tình hình quản lý, sử dụng máy móc thiết bị tại các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định

của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

2. Quy định việc quản lý, sử dụng máy móc thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm việc quản lý, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại quyết định này, Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg và các quy định hiện hành của Pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 14. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được trang bị, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Các cá nhân được trang bị, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

**Chương IV
XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 15. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị

1. Người ra quyết định mua sắm, trang bị máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật;

2. Đối với việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý theo quy định của pháp luật;

3. Máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để xử lý theo quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

**Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

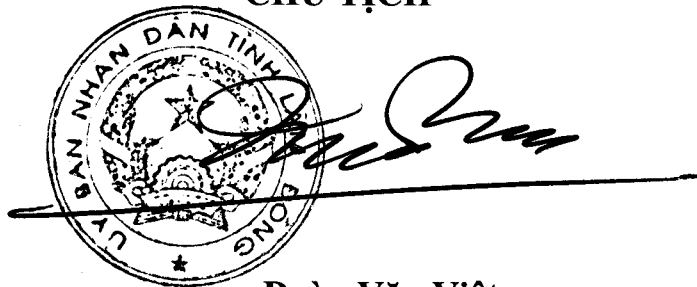
Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

2. Trong quá trình hoạt động, nếu phát sinh những vướng mắc hoặc có những nội dung nào trong Quy định cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan,

tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**TM.UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

The image shows the official seal of the Provincial People's Committee of Lam Dong. The seal is circular with the text "BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG" around the perimeter. In the center, there is a five-pointed star above a gear and a rice stalk. A handwritten signature in black ink is written over the seal, and a horizontal line is drawn across the bottom of the seal.

Đoàn Văn Việt

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG PHỔ BIẾN CHO PHÒNG HỌP CHUNG, HỘI TRƯỞNG, PHÒNG LƯU TRỮ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng thiết bị tối đa của 01 phòng	Mức giá tối đa của một phòng (triệu đồng)
I	PHÒNG HỌP CHUNG		
1	Văn phòng UBND tỉnh (tối đa 04 phòng họp)		500
1.1	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	200
1.2	Thiết bị âm thanh	01 bộ	80
1.3	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	60
1.4	Bộ thiết bị họp trực tuyến (nếu cần); gồm: tivi, bộ micro Toa	01 bộ	150
1.5	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
2	Văn phòng HĐND tỉnh (tối đa 02 phòng họp)		500
2.1	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	200
2.2	Thiết bị âm thanh	01 bộ	80
2.3	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	60
2.4	Bộ thiết bị họp trực tuyến (nếu cần); gồm: tivi, bộ micro Toa	01 bộ	150
2.5	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
3	Văn phòng UBND và HĐND các Huyện, thành phố (tối đa 02 phòng họp)		290
3.1	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	80
3.2	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng thiết bị tối đa của 01 phòng	Mức giá tối đa của một phòng (triệu đồng)
3.3	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	60
3.4	Bộ thiết bị họp trực tuyến (nếu cần); gồm: tivi, bộ micro Toa	01 bộ	120
3.5	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
4	Các Sở, Ban, Ngành (01 phòng họp)		110
4.1	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	80
4.2	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20
4.3	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
5	Các đơn vị trực thuộc Sở, các phòng ban thuộc UBND huyện và UBND cấp phường, xã (01 phòng họp)		90
5.1	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	60
5.2	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20
5.3	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
II	HỘI TRƯỞNG		
1	Cơ quan, tổ chức, đơn vị có số lượng dưới 15 biên chế		130
1.1	Bàn	15 cái	30
1.2	Ghế	30 cái	30
1.3	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20
1.4	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
1.5	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	40
2	Cơ quan, tổ chức, đơn vị có từ 15 đến dưới 50 biên chế		170
2.1	Bàn	25 cái	50
2.2	Ghế	50 cái	50



TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng thiết bị tối đa của 01 phòng	Mức giá tối đa của một phòng (triệu đồng)
2.3	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20
2.4	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
2.5	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	40
3	Cơ quan, tổ chức, đơn vị có từ 50 đến 80 biên chế		230
3.1	Bàn	40 cái	80
3.2	Ghế	80 cái	80
3.3	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20
3.4	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
3.5	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	40
4	Các Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế có trên 80 biên chế		
	Ngoài các trang thiết bị như đơn vị tại mục 3 nêu trên, thì mỗi 02 biên chế tăng thêm sẽ được bố trí 01 bàn và 02 ghế, cụ thể:		
4.1	Bàn	1 cái	2
4.2	Ghế	2 cái	2
5	UBND các xã, phường, thị trấn		230
5.1	Bàn	40 cái	80
5.2	Ghế	80 cái	80
5.3	Thiết bị âm thanh	01 bộ	20
5.4	Máy điều hòa (nếu cần)	01 cái	10
5.5	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn)	01 bộ	40
III	PHÒNG LƯU TRỮ		



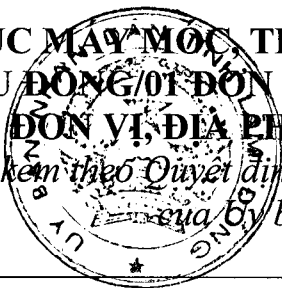
TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng thiết bị tối đa của 01 phòng	Mức giá tối đa của một phòng (triệu đồng)
1	Văn phòng UBND tỉnh		185
1.1	Kệ	50 cái	125
1.2	Máy hút ẩm	02 cái	40
1.3	Thiết bị phòng cháy (không gồm hệ thống cháy liên tường)	Bộ	20
2	Các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố		115
2.1	Kệ	30 cái	75
2.2	Máy hút ẩm	01 cái	20
2.3	Thiết bị phòng cháy (không gồm hệ thống cháy liên tường)	Bộ	20
3	Các cơ quan đơn vị còn lại		90
3.1	Kệ	20 cái	50
3.2	Máy hút ẩm	01 cái	20
3.3	Thiết bị phòng cháy (không gồm hệ thống cháy liên tường)	Bộ	20

YAM DC

PHỤ LỤC 2

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CÓ GIÁ MUA DƯỚI
500 TRIỆU ĐỒNG/01 ĐƠN VỊ TÀI SẢN TRANG BỊ CHO CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THUỘC TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)*



STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa / 01 đơn vị tài sản (ngàn đồng)
A	Tài sản tính năng kỹ thuật chuyên ngành			
A1. Ngành Y tế				
I.	Các Bệnh viện Đa khoa, chuyên khoa và đơn vị dự phòng tuyến tỉnh			
1	Áp kế Claude đo áp lực dịch não tủy	Cái	2	375.000
2	Bàn làm bột bó xương	Cái	3	14.000
3	Bàn mổ	Cái	5	446.000
4	Bàn mổ để	Cái	2	489.000
5	Bàn mổ vạn năng thủy lực	Cái	16	34.000
6	Bàn phẫu thuật phụ khoa	Cái	1	487.000
7	Bàn sửa chữa máy	Cái	6	13.000
8	Bàn thí nghiệm	Cái	8	50.000
9	Bàn xét nghiệm	Cái	5	10.000
10	Bể rửa siêu âm	Cái	4	50.000
11	Bình cấp nước lọc cho các khoa phòng	Cái	35	9.000
12	Bình kỵ khí	Cái	1	5.000
13	Bình ô xy	Cái	155	7.000
14	Bình phong chì	Cái	5	38.000
15	Bộ cất hồi lưu	Bộ	2	16.000
16	Bộ chiết suất đậm	Bộ	1	300.000
17	Bộ đại phẫu	Bộ	5	237.000
18	Bộ dẫn lưu màng phổi	Bộ	26	30.000
19	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	15	52.000
20	Bộ đặt nội khí quản người lớn trẻ em	Bộ	2	29.000
21	Bộ đo nhãn áp Maclakov	Bộ	4	63.000
22	Bộ dụng cụ bóc lột tĩnh mạch	Bộ	2	52.000
23	Bộ dụng cụ cắt amydal (tại phòng mổ)	Bộ	1	165.000



24	Bộ dụng cụ cắt búi trĩ	Bộ	2	148.000
25	Bộ dụng cụ cắt mộng	Bộ	2	78.000
26	Bộ dụng cụ cắt tử cung	Bộ	2	126.000
27	Bộ dụng cụ cố định chi	Bộ	4	75.000
28	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	10	126.000
29	Bộ dụng cụ khám bệnh	Bộ	12	15.000
30	Bộ dụng cụ khám khúc xạ (thuốc Parent, gương lõ, đèn Landolt)	Bộ	2	50.000
31	Bộ dụng cụ khám nghiệm tử thi	Bộ	1	178.000
32	Bộ dụng cụ khám phụ sản khoa	Bộ	5	200.000
33	Bộ dụng cụ kiểm tra huyết thanh	Bộ	1	50.000
34	Bộ dụng cụ lấy dị vật mắt	Bộ	2	71.000
35	Bộ dụng cụ mổ đục thủy tinh thể	Bộ	2	267.000
36	Bộ dụng cụ mổ hàm ếch	Bộ	2	141.000
37	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	6	52.000
38	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	Bộ	3	126.000
39	Bộ dụng cụ mở miệng trẻ em và người lớn	Bộ	2	82.000
40	Bộ dụng cụ mổ quặm	Bộ	2	104.000
41	Bộ dụng cụ mọc	Bộ	2	10.000
42	Bộ dụng cụ nhỏ chữa răng	Bộ	10	15.000
43	Bộ dụng cụ nhỏ răng	Bộ	7	75.000
44	Bộ dụng cụ niệu đạo nam và nữ	Bộ	3	274.000
45	Bộ dụng cụ pha chế huyết thanh	Bộ	1	50.000
46	Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt bỏ tuyến giáp	Bộ	2	156.000
47	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ	2	284.000
48	Bộ dụng cụ phẫu thuật cột sống	Bộ	2	348.000
49	Bộ dụng cụ phẫu thuật họng	Bộ	7	234.000
50	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ	2	178.000
51	Bộ dụng cụ phẫu thuật nhi khoa	Bộ	2	142.000
52	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	Bộ	2	200.000
53	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ	2	234.000
54	bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Bộ	2	200.000
55	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai	Bộ	1	142.000
56	Bộ dụng cụ phẫu thuật thần kinh sọ não	Bộ	2	390.000
57	Bộ dụng cụ phẫu thuật thanh quản	Bộ	2	267.000
58	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	Bộ	2	274.000

59	Bộ dụng cụ phẫu thuật xoang	Bộ	3	267.000
60	Bộ dụng cụ phòng thí nghiệm	Bộ	1	25.000
61	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	1	15.000
62	Bộ dụng cụ thẩm mỹ	Bộ	2	234.000
63	Bộ dụng cụ thử Glôcôm	Bộ	2	35.000
64	Bộ dụng cụ thủy tinh dược	Bộ	1	30.000
65	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	30	71.000
66	Bộ dụng cụ tiểu phẫu: chấp, lẹo, dị vật giác mạc	Bộ	4	80.000
67	Bộ dụng cụ triệt sản nam, nữ	Bộ	6	135.000
68	Bộ dụng cụ vi phẫu mạch máu	Bộ	2	178.000
69	Bộ dụng cụ vi phẫu thần kinh	Bộ	2	319.000
70	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	4	71.000
71	Bộ dụng cụ vi phẫu tai	Bộ	2	142.000
72	Bộ hấp tiệt trùng loại 300 -500 lít	Bộ	2	406.000
73	Bộ khám điều trị TMH	Bộ	2	411.000
74	Bộ khám ngũ quan + đèn treo trán	Bộ	1	30.000
75	Bộ lấy mẫu nước, chất lỏng	Bộ	10	10.000
76	Bộ lọc nước và chất lỏng	Bộ	1	100.000
77	Bộ lọc Seitz kèm giá và màng lọc	Bộ	1	120.000
78	Bộ mở khí quản	Bộ	4	52.000
79	Bộ nạo thai	Bộ	4	126.000
80	Bộ rửa mắt cấp cứu	Bộ	1	33.000
81	Bộ soi cổ tử cung	Bộ	2	310.000
82	Bộ soi ối	Bộ	2	375.000
83	Bộ soi thanh quản	Bộ	6	187.000
84	Bộ tiểu phẫu	Bộ	10	70.000
85	Bộ trung phẫu	Bộ	5	136.000
86	Bơm cho bệnh nhân ăn tự động	Cái	2	138.000
87	Bơm thức ăn cho trẻ em	Cái	4	138.000
88	Bơm thức ăn đưa qua mũi dạ dày	Cái	2	138.000
89	Bơm tiêm điện các loại	Cái	12	53.000
90	Bơm truyền dịch	Cái	138	71.000
91	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến	Cái	2	97.000
92	Buồng cấy vô trùng	Cái	1	32.000
93	Burette tự động kỹ thuật số 50ml	Cái	1	19.000

94	Các dụng cụ, thiết bị phục vụ việc nuôi, cấy, soi và phân lập vi khuẩn	Cái	10	30.000
95	Cân kỹ thuật	Cái	7	63.000
96	Cân phân tích	Cái	7	88.000
97	Cân phân tích 3 số lẻ nối máy in	Cái	1	18.000
98	Cân phân tích 4 số lẻ nối máy in	Cái	3	42.000
99	Cân phân tích 5 số lẻ nối máy in	Cái	1	147.000
100	Cửa xương loại điện	Cái	2	112.000
101	Cửa cắt bột loại điện	Cái	2	75.000
102	Dao mổ điện	Cái	8	375.000
103	Dao mổ lade các loại	Cái	2	450.000
104	Dao mổ siêu âm	Cái	1	48.000
105	Đèn clar	Cái	56	19.000
106	Đèn điều trị vàng da	Cái	4	230.000
107	Đèn đọc phim x-quang loại 6 phim	Cái	4	7.000
108	Đèn đọc sắc ký bản mỏng	Cái	2	11.000
109	Đèn khám bệnh treo trần	Cái	4	19.000
110	Đèn khám ngũ quan	Cái	8	10.000
111	Đèn khe	Cái	2	292.000
112	Đèn mổ 1 bóng di động	Cái	21	207.000
113	Đèn quang trùng hợp	Cái	1	50.000
114	Đèn soi đáy mắt gián tiếp	Cái	1	292.000
115	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	Cái	7	12.000
116	Đèn soi thanh quản	Cái	7	23.000
117	Đồ đựng chất thải Inox	Cái	1	30.000
118	Doppler tim thai	Cái	2	25.000
119	Dụng cụ tháo vòng tránh thai	Cái	2	9.000
120	Dụng cụ thắt, cắt búi trĩ	Cái	2	149.000
121	Ê tô	Cái	3	8.000
122	Găng tay cao su chì	Cái	2	23.000
123	Ghế + máy răng	Cái	6	489.000
124	Ghế khám điều trị tai mũi họng	Cái	8	410.000
125	Ghế luyện tập	Cái	4	10.000
126	Giá để tiếp nhận vật chưa hấp và đã hấp	Cái	12	9.000
127	Giá đựng hoá chất	Cái	50	15.000
128	Giường cấp cứu	Cái	22	7.000
129	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	10	13.000

130	Giường hồi sức sau đẻ	Cái	5	7.000
131	Giường xoa bóp	Cái	4	12.500
132	Hệ thống loa, tăng âm hướng dẫn bệnh nhân	Hệ thống	1	250.000
133	Hệ thống sắc thuốc đông y	Hệ thống	10	171.000
134	Hệ thống tăng âm, loa cho các khoa phòng tại bệnh viện	Hệ thống	1	125.000
135	Hốt vô trùng	Cái	4	365.000
136	Kệ, giá để thuốc	Cái	6	12.000
137	Khoan răng điện	Cái	1	125.000
138	Khoan xương tay	Cái	2	88.000
139	Khúc xạ kế	Cái	1	423.000
140	Khung treo phim X-quang thép không rỉ các cỡ	Cái	40	7.000
141	Khuôn đúc parafin	Cái	2	6.000
142	Kim chọc dò dịch não các cỡ cho người lớn và trẻ em	Cái	6	6.000
143	Kim chọc dò màng não	Cái	2	6.000
144	Kim chọc dò màng tim	Cái	5	9.000
145	Kim chọc dò màng tuỷ	Cái	8	6.000
146	Kìm sinh thiết cổ tử cung	Cái	2	20.000
147	Kìm sinh thiết tuỷ	Cái	1	6.000
148	Kính hiển chụp ảnh	Cái	1	292.000
149	Kính hiển vi	Cái	25	40.000
150	Kính hiển vi có chụp ảnh	Cái	2	292.000
151	Kính hiển vi đo được kích thước nổi máy tính + máy in	Cái	1	167.000
152	Kính hiển vi đối pha	Cái	1	120.000
153	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	3	388.000
154	Kính hiển vi mô tự động	Cái	1	54.000
155	Kính hiển vi nền đen	Cái	2	100.000
156	Kính hiển vi phân cực	Cái	2	199.000
157	Kính hiển vi phẫu thuật TMH	Cái	2	341.000
158	Kính hiển vi quang học	Cái	2	40.000
159	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1	120.000
160	Kính lúp	Cái	9	30.000
161	Kính mổ muỗi	Cái	2	25.000

162	Labo răng giả cho 4 kỹ thuật viên (đủ trang thiết bị nhựa và gốm sứ)	Cái	1	324.000
163	Lò nấu parafin	Cái	2	147.000
164	Lò nung	Cái	2	22.000
165	Lò nung 1200oC , 8 lit	Cái	1	80.000
166	Lò sưởi điện	Cái	4	13.000
167	Lò vi sóng	Cái	15	9.000
168	Lò vi sóng (trong phá mẫu phân tích kim loại nặng)	Cái	1	30.000
169	Lực kế chân	Cái	2	28.000
170	Lực kế tay	Cái	4	22.000
171	Mắt nạ các loại cho người lớn và trẻ em	Cái	6	8.000
172	Máy ghi điện tim	Cái	1	70.000
173	Máy hút điện chạy liên tục áp lực thấp	Cái	5	30.000
174	Máy bao viên thuốc	Cái	2	25.000
175	Máy bơm điện	Cái	2	53.000
176	Máy bơm hơi vòi trứng	Cái	1	20.000
177	Máy cắt lát vi thể	Cái	1	488.000
178	Máy cất nước 1 lần	Cái	2	80.000
179	Máy cất nước 2 lần	Cái	9	150.000
180	Máy cất nước 20 lít/giờ	Cái	2	22.000
181	Máy cất nước 50 lít/giờ	Cái	1	93.000
182	Máy chuẩn độ điện thế (kèm điện cực, buret, máy in)	Cái	1	140.000
183	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	3	53.000
184	Máy điện châm	Cái	6	330.000
185	Máy điện tim	Cái	48	89.000
186	Máy điện tim (12 kênh, tự động phân tích kết quả)	Cái	3	236.000
187	Máy điều trị bằng dòng giao thoa	Cái	1	145.000
188	Máy điều trị bệnh từ trường	Cái	2	472.000
189	Máy điều trị tần số thấp	Cái	2	200.000
190	Máy đo áp suất khí quyển (khí áp kế)	Cái	1	10.000
191	Máy đo bụi trọng lượng có phân tích giải kích thước hạt	Cái	1	100.000
192	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	4	215.000
193	Máy đo Clo dư trong nước	Cái	1	20.000
194	Máy đo cường độ ánh sáng	Cái	1	20.000

195	Máy đo cường độ bức xạ ion hóa	Cái	1	50.000
196	Máy đo điểm nóng chảy	Cái	1	12.000
197	Máy đo điện giải đồ dùng điện cực chọn lọc	Cái	1	143.000
198	Máy đo điện từ trường đa giải tần	Cái	1	60.000
199	Máy đo độ ẩm ngũ cốc	Cái	1	60.000
200	Máy đo độ còn	Cái	1	50.000
201	Máy đo độ đục	Cái	1	120.000
202	Máy đo độ hòa tan thuốc viên có bộ phận hút mẫu	Cái	2	239.000
203	Máy đo độ lác	Cái	1	318.000
204	Máy đo độ ồn có phân tích giải tần số	Cái	1	50.000
205	Máy đo độ pH	Cái	12	75.000
206	Máy đo độ rã	Cái	1	58.000
207	Máy đo độ rung	Cái	1	30.000
208	Máy đo dung tích phổi	Cái	1	215.000
209	Máy đo đường kính vòng vô khuẩn	Cái	1	50.000
210	Máy đo hiện sóng 2 dòng	Cái	1	38.000
211	Máy dò huyết chambers	Cái	2	112.000
212	Máy đo khí độc cầm tay	Cái	1	20.000
213	Máy đo khúc xạ tự động	Cái	1	445.000
214	Máy đo liều tia xạ phòng hộ	Cái	1	50.000
215	Máy đo nhu cầu oxy hoá sinh COD	Cái	1	150.000
216	Máy đo nhu cầu oxy sinh học BOD	Cái	1	150.000
217	Máy đo nồng độ bão hoà oxy cầm tay	Cái	1	27.000
218	Máy đo nồng độ oxy	Cái	1	56.000
219	Máy đo oxy hoà tan	Cái	2	150.000
220	Máy đo thị lực	Cái	2	142.000
221	Máy đo thính lực	Cái	4	499.000
222	Máy đo tim thai (Dopple)	Cái	1	17.000
223	Máy đốt điện cổ tử cung	Cái	1	268.000
224	Máy Galvanic kích thích điện	Cái	2	139.000
225	Máy HbA1C thế hệ mới	Cái	1	150.000
226	Máy hút chân không	Cái	7	50.000
227	Máy hút điện + đập chân	Cái	79	50.000
228	Máy hút đờm rãi	Cái	4	30.000
229	Máy hút phẫu thuật	Cái	8	50.000

230	Máy huỷ bơm kim tiêm	Cái	27	5.000
231	Máy kéo dẫn	Cái	2	434.000
232	Máy khâu	Cái	3	8.000
233	Máy khí dung siêu âm	Cái	2	27.000
234	Máy khuấy từ	Cái	9	21.000
235	Máy kích thích điện	Cái	2	157.000
236	Máy là đồ vải, loại ru lô	Cái	1	334.000
237	Máy lắ	Cái	3	12.000
238	Máy lắ có cân để lấy máu	Cái	1	338.000
239	Máy lắ siêu âm	Cái	4	15.000
240	Máy lắ tiểu cầu	Cái	1	203.000
241	Máy lắ ù	Cái	2	70.000
242	Máy lắ vòng	Cái	4	40.000
243	Máy lade chậ cứu	Cái	2	257.000
244	Máy lade điều trị các loại	Cái	2	293.000
245	Máy làm sạch dụng cụ bằng siêu âm	Cái	1	308.000
246	Máy lấy cao răng	Cái	3	63.000
247	Máy lấy mẫu bụi bông	Cái	1	40.000
248	Máy lấy mẫu không khí	Cái	4	100.000
249	Máy li tâm	Cái	21	240.000
250	Máy mài	Cái	1	13.000
251	Máy nén khí	Cái	2	20.000
252	Máy nghiền mẫu ướt	Cái	2	63.000
253	Máy nhiệt trị liệu	Cái	2	461.000
254	Máy nhỏ giọt	Cái	2	71.000
255	Máy pha chế môi trường nuôi cấy	Cái	2	300.000
256	Máy pha loãng	Cái	3	125.000
257	Máy phá rung tim và tạo nhịp tim	Cái	22	367.000
258	Máy phân tích độ đậm tự động	Cái	1	300.000
259	Máy phân tích huyết học	Cái	3	485.000
260	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Cái	1	43.000
261	Máy phân tích nước tự động	Cái	1	300.000
262	Máy phân tích sinh hoá bán tự động	Cái	1	182.000
263	Máy phát điện dự phòng > 50 KW	Cái	1	111.000
264	Máy phát điện dự phòng 2500w-3000w,220v,50hz	Cái	1	63.000

265	Máy phát điện dự phòng 2KVA đến 5KVA/ 220V/50HZ	Cái	2	111.000
266	Máy phun	Cái	16	35.000
267	Máy quang phổ tử ngoại khả kiến 2 chùm tia	Cái	2	160.000
268	Máy quay li tâm điện tử	Cái	2	20.000
269	Máy rửa dụng cụ	Cái	1	150.000
270	Máy rửa dụng cụ thủy tinh	Cái	1	250.000
271	Máy rửa phim X- quang tự động	Cái	2	345.000
272	Máy sấy công nghiệp	Cái	3	345.000
273	Máy sấy đồ vải 30 kg	Cái	1	405.000
274	Máy sấy tiêu bản	Cái	1	36.000
275	Máy sốc điện	Cái	2	368.000
276	Máy soi cổ tử cung	Cái	1	310.000
277	Máy tán thuốc	Cái	3	138.000
278	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể	Cái	1	368.000
279	Máy tạo oxy di động	Cái	67	41.000
280	Máy thái thuốc	Cái	11	438.000
281	Máy theo dõi chuyển dạ đẻ	Cái	2	250.000
282	Máy trộn mẫu (máy lắc trộn)	Cái	2	50.000
283	Máy trộn thuốc bột tự động	Cái	2	263.000
284	Máy và hệ thống báo gọi y tá	Cái	2	125.000
285	Máy vi sóng xung và liên tục	Cái	2	354.000
286	Máy xác định hàm lượng nước nổi máy in	Cái	1	27.000
287	Máy xay mẫu khô	Cái	2	75.000
288	Máy xét nghiệm huyết học (đơn giản)	Cái	1	485.000
289	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	2	45.000
290	Máy xét nghiệm sinh hoá (đơn giản)	Cái	1	182.000
291	Máy X-quang răng	Cái	3	482.000
292	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	70	499.500
293	Nồi cách dầu	Cái	2	75.000
294	Nồi cách thủy	Cái	10	53.000
295	Nồi cất nước 5 lít/giờ	Cái	1	43.000
296	Nồi hấp điện	Cái	1	281.000
297	Nồi hấp loại 75 lít	Cái	2	281.000
298	Nồi hấp loại lớn	Cái	4	406.000
299	Nồi hấp thải	Cái	1	20.000

300	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	62.000
301	Nồi hấp ướ	Cái	7	281.000
302	Nồi luộc bơm kim tiêm	Cái	30	81.000
303	Nồi luộc dụng cụ	Cái	38	81.000
304	Phân cực kế tự động	Cái	1	259.000
305	Phế dung kế	Cái	1	215.000
306	Phễu lọc hút chân không	Cái	3	7.000
307	Pipette tay các loại	Cái	19	68.000
308	Pipette tự động các loại (P10, P20, P100, P1000) ml	Cái	7	137.000
309	Quang trị liệu	Cái	4	273.000
310	Quây lạnh – 150C	Cái	2	20.000
311	Siêu âm điều trị	Cái	2	141.000
312	Thảm thấu kế	Cái	2	125.000
313	Thiết bị đo vi khí hậu	Cái	1	20.000
314	Thiết bị hút hơi khí độc	Cái	1	200.000
315	Thiết bị rửa tay phẫu thuật viên 2 người	Cái	8	175.000
316	Thiết bị sắc thuốc	Cái	4	171.000
317	Thiết bị soi ối	Cái	1	100.000
318	Thiết bị thử phản ứng ngưng kết	Cái	2	70.000
319	Tủ đựng dụng cụ sạch	Cái	5	6.000
320	Tủ âm	Cái	17	39.000
321	Tủ an toàn hoá chất	Cái	1	100.000
322	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	3	450.000
323	Tủ đựng thuốc	Cái	1	14.000
324	Tủ đựng dụng cụ	Cái	40	14.000
325	Tủ đựng dụng cụ vô trùng	Cái	1	10.000
326	Tủ đựng hóa chất	Cái	2	35.000
327	Tủ đựng phim chưa chụp	Cái	3	14.000
328	Tủ đựng thiết bị nội soi	Cái	3	30.000
329	Tủ đựng thuốc	Cái	51	14.000
330	Tủ đựng thuốc đông y	Cái	2	45.000
331	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	10	14.000
332	Tủ hút hóa chất bằng INOX có bồn rửa	Cái	2	46.200
333	Tủ hút hơi khí độc	Cái	2	277.000
334	Tủ lạnh bảo quản máu	Cái	6	235.000
335	Tủ lạnh chuyên dụng đựng hóa chất	Cái	3	20.000

336	Tủ lạnh đựng bệnh phẩm	Cái	2	10.000
337	Tủ lạnh đựng sinh phẩm	Cái	2	10.000
338	Tủ lạnh sâu – 30 độC	Cái	6	331.000
339	Tủ mát	Cái	1	9.000
340	Tủ nuôi cấy có CO2	Cái	1	263.000
341	Tủ nuôi cấy vi sinh	Cái	4	313.000
342	Tủ nuôi cấy yếm khí	Cái	1	240.000
343	Tủ sấy	Cái	86	63.000
344	Tủ sấy (khoảng 256 lít)	Cái	3	56.000
345	Tủ sấy chân không	Cái	1	52.000
346	Tủ tiệt trùng 2 chỗ	Cái	1	100.000
347	Túi chườm nóng lạnh (cao su)	Cái	154	5.000
348	Tỷ trọng kế	Cái	2	7.000
349	Van chỉnh áp cho bình ô xy	Cái	140	5.000
350	Xe đạp găng sức	Cái	4	161.000
351	Xe đẩy đồ vải	Cái	43	7.000
352	Xe đẩy hàng	Cái	1	20.000
353	Xe lăn tay	Cái	25	10.000
354	Xe nâng hàng	Cái	1	38.000
355	Yếm chì	Cái	6	25.000
II	Các Bệnh viện Đa khoa và đơn vị dự phòng tuyến huyện			
1	Balon ô xy hoặc Bình ô xy xách tay có đồng hồ	Cái	6	7.000
2	Bàn để thép không gỉ	Cái	3	6.000
3	Bàn đón bé sơ sinh	Cái	3	35.000
4	Bàn đứng xếp	Cái	1	5.000
5	Bàn là điện	Cái	5	9.000
6	Bàn làm bột bó xương	Cái	1	14.000
7	Bàn mổ	Cái	2	447.000
8	Bàn mổ để	Cái	2	447.000
9	Bàn mổ vạ năng thủy lực	Cái	2	335.000
10	Bàn phẫu thuật phụ khoa	Cái	1	487.000
11	Bàn sửa chữa máy	Cái	1	13.000
12	Bàn tập + nệm	Cái	1	6.000
13	Bình oxy	Cái	40	7.000
14	Bình phun hóa chất	Cái	5	16.000
15	Bình phun hóa chất (DA RAI)	Cái	2	6.000

16	Bộ đại phẫu	Bộ	2	237.000
17	Bộ dẫn lưu màng phổi	Bộ	10	30.000
18	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	13	52.000
19	Bộ đặt nội khí quản người lớn trẻ em	Bộ	10	29.000
20	Bộ đo nhãn áp Maclakov	Bộ	2	63.000
21	Bộ dụng cụ bộc lộ tĩnh mạch	Bộ	2	52.000
22	Bộ dụng cụ cắt amydal (tại phòng mổ)	Bộ	2	164.000
23	Bộ dụng cụ cắt búi trĩ	Bộ	2	149.000
24	Bộ dụng cụ cắt mộng	Bộ	2	78.000
25	Bộ dụng cụ cắt tử cung	Bộ	2	126.000
26	Bộ dụng cụ chích bắp	Bộ	2	52.000
27	Bộ dụng cụ cố định chi	Bộ	2	75.000
28	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	30	126.000
29	Bộ dụng cụ khám bệnh	Bộ	10	15.000
30	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt (đồng bộ)	Bộ	2	38.000
31	Bộ dụng cụ khám khúc xạ (thuốc Parent, gương lõ, đèn Landolt)	Bộ	1	50.000
32	Bộ dụng cụ khám nghiệm tử thi	Bộ	1	178.000
33	Bộ dụng cụ khám phụ sản khoa	Bộ	15	200.000
34	Bộ dụng cụ khám, điều trị sản phụ khoa	Bộ	10	408.000
35	Bộ dụng cụ kiểm tra huyết thanh	Bộ	1	50.000
36	Bộ dụng cụ lấy dị vật mắt	Bộ	2	71.000
37	Bộ dụng cụ mổ đục thủy tinh thể	Bộ	2	267.000
38	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	3	52.000
39	Bộ dụng cụ mổ lấy thai	Bộ	4	126.000
40	Bộ dụng cụ mở miệng trẻ em và và người lớn	Bộ	2	82.000
41	Bộ dụng cụ mổ quặm	Bộ	2	104.000
42	Bộ dụng cụ nhỏ chữa răng	Bộ	10	15.000
43	Bộ dụng cụ nhổ răng	Bộ	11	75.000
44	Bộ dụng cụ niệu đạo nam và nữ	Bộ	2	274.000
45	Bộ dụng cụ pha chế huyết thanh	Bộ	1	50.000
46	Bộ dụng cụ phẫu thuật cắt bỏ tuyến giáp	Bộ	2	156.000
47	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ	2	284.000
48	Bộ dụng cụ phẫu thuật chỉnh hình xương	Bộ	1	284.000
49	Bộ dụng cụ phẫu thuật họng	Bộ	6	234.000

50	Bộ dụng cụ phẫu thuật mắt	Bộ	2	178.000
51	Bộ dụng cụ phẫu thuật nhi khoa	Bộ	2	142.000
52	Bộ dụng cụ phẫu thuật phụ khoa	Bộ	2	200.000
53	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	Bộ	1	134.000
54	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Bộ	2	200.000
55	Bộ dụng cụ phẫu thuật tai	Bộ	2	142.000
56	Bộ dụng cụ phẫu thuật thanh quản	Bộ	2	267.000
57	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiết niệu	Bộ	2	274.000
58	Bộ dụng cụ phẫu thuật xoang	Bộ	3	267.000
59	Bộ dụng cụ phẫu thuật xương	Bộ	1	348.000
60	Bộ dụng cụ phòng thí nghiệm	Bộ	2	25.000
61	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	4	15.000
62	Bộ dụng cụ sửa máy y tế	Bộ	1	50.000
63	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	25	71.000
64	Bộ dụng cụ tiểu phẫu: chắp, lẹo, dị vật giác mạc	Bộ	1	80.000
65	Bộ dụng cụ triệt sản nam + nữ	Bộ	8	135.000
66	Bộ dụng cụ vi phẫu mạch máu	Bộ	1	178.000
67	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	5	71.000
68	Bộ hấp tiệt trùng loại dung tích lớn 300,500 lít	Bộ	2	406.000
69	Bộ kéo cổ đơn	Bộ	1	7.000
70	Bộ khám điều trị TMH	Bộ	2	411.000
71	Bộ khám ngũ quan + đèn treo trần	Bộ	3	30.000
72	Bộ mở khí quản	Bộ	6	52.000
73	Bộ nạo thai	Bộ	4	126.000
74	Bộ soi cổ tử cung	Bộ	1	310.000
75	Bộ soi ối	Bộ	1	375.000
76	Bộ soi thanh quản	Bộ	18	188.000
77	Bộ tiểu phẫu	Bộ	8	70.000
78	Bộ trung phẫu	Bộ	5	136.000
79	Bơm cho bệnh nhân ăn tự động	Cái	2	138.000
80	Bơm hút sữa bằng tay	Cái	10	8.000
81	Bơm thức ăn cho trẻ em	Cái	2	138.000
82	Bơm thức ăn đưa qua mũi dạ dày	Cái	1	138.000
83	Bơm truyền dịch	Cái	17	71.000
84	Bóng hút nhót mũi trẻ sơ sinh + ống hút	Cái	2	18.000

	nhót			
85	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiền liệt tuyến	Cái	2	97.000
86	Cân kỹ thuật	Cái	2	63.000
87	Cân phân tích	Cái	1	88.000
88	Cân trẻ em	Cái	6	5.000
89	Cửa xuong loại điện	Cái	1	113.000
90	Cửa cắt bột loại điện	Cái	2	75.000
91	Dao mổ điện	Cái	4	375.000
92	Dao mổ lade các loại	Cái	2	450.000
93	Đầu đọc và máy in mã vạch	Cái	1	26.000
94	Đèn bàn khám bệnh	Cái	10	37.500
95	Đèn clar	Cái	12	19.000
96	Đèn điều trị vàng da	Cái	6	230.000
97	Đèn đọc phim x-quang loại 6 phim	Cái	2	7.000
98	Đèn khám bệnh treo trần	Cái	2	19.000
99	Đèn khám mắt mũi tai	Cái	5	19.000
100	Đèn khám ngũ quan	Cái	2	10.000
101	Đèn mổ 1 bóng di động	Cái	6	207.000
102	Đèn mổ 4 bóng di động	Cái	2	207.000
103	Đèn quang trùng hợp	Cái	3	50.000
104	Đèn soi đáy mắt gián tiếp	Cái	2	292.000
105	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	Cái	7	12.000
106	Đèn soi thanh quản	Cái	1	23.000
107	Đèn soi tĩnh mạch	Cái	2	90.000
108	Đèn treo khám ngũ quan	Cái	5	19.000
109	Đồng bộ dụng cụ khám điều trị TMH (đồng bộ)	Cái	2	411.000
110	Doppler tim thai	Cái	8	25.000
111	Dụng cụ đặt vòng tránh thai	Cái	5	9.000
112	Dụng cụ soi thanh quản người lớn	Cái	3	188.000
113	Dụng cụ tháo vòng tránh thai	Cái	10	9.000
114	Dụng cụ thắt, cắt búi trĩ	Cái	2	149.000
115	Ê tô	Cái	2	8.000
116	Ghế + máy răng	Cái	2	489.000
117	Ghế đa năng	Cái	1	7.000
118	Ghế khám điều trị tai mũi họng	Cái	3	411.000
119	Ghế luyện tập	Cái	4	10.000

120	Ghế tập cơ đùi	Cái	2	25.000
121	Giá để tiếp nhận vật chưa hấp và đã hấp	Cái	5	9.000
122	Giá sách để hồ sơ bệnh án	Cái	40	113.000
123	Giá, kệ đựng dược liệu	Cái	5	17.000
124	Giác hút thai	Cái	2	23.000
125	Giàn treo sắt	Cái	1	12.000
126	Giường cấp cứu	Cái	17	7.000
127	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	10	13.000
128	Giường đẻ	Cái	5	6.000
129	Giường hồi sức (1-3 tay quay)	Cái	15	12.000
130	Giường hồi sức sau đẻ	Cái	5	7.000
131	Giường kéo cột sống cổ chạy điện	Cái	2	150.000
132	Giường sơ sinh	Cái	10	7.000
133	Giường ủ ấm trẻ sơ sinh	Cái	4	215.000
134	Hệ thống dàn oxy 6 bình	HT	1	200.000
135	Hệ thống làm tinh khiết nước	Hệ thống	2	125.000
136	Hệ thống loa, tăng âm hướng dẫn bệnh nhân	Hệ thống	1	250.000
137	Hệ thống monitor (màn hình) hướng dẫn bệnh nhân	Hệ thống	1	125.000
138	Hệ thống sắc thuốc đông y	Hệ thống	2	171.000
139	Hệ thống tăng âm, loa cho các khoa phòng tại bệnh viện	Hệ thống	5	125.000
140	Hệ thống xếp hàng tự động	Hệ thống	1	150.000
141	Hốt vô trùng	Cái	1	365.000
142	Kệ xếp chứng từ, bệnh án (sắt)	Cái	12	45.000
143	Kệ, giá để thuốc	Cái	10	12.000
144	Khoan răng điện	Cái	2	125.000
145	Khoan xương tay	Cái	2	88.000
146	Khúc xạ kế	Cái	1	423.000
147	Khung kéo ròng rọc	Cái	1	5.000
148	Khung treo phim X-quang thép không rỉ	Cái	5	7.000
149	Khuôn đúc parafin	Cái	1	6.000
150	Kim chọc dò dịch não các cỡ cho người lớn và trẻ em	Cái	20	6.000
151	Kim chọc dò màng não	Cái	20	6.000

152	Kim chọc dò màng tuỷ	Cái	20	6.000
153	Kim sinh thiết cổ tử cung	Cái	2	20.000
154	Kính hiển vi	Cái	7	40.000
155	Kính hiển vi có chụp ảnh	Cái	1	292.000
156	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	1	388.000
157	Kính hiển vi phẫu thuật TMH	Cái	2	341.000
158	Kính lúp	Cái	1	30.000
159	Kính lúp 2 mắt	Cái	2	40.000
160	Labo răng giả cho 4 kỹ thuật viên (đủ trang thiết bị nhựa và gốm sứ)	Cái	1	324.000
161	Lò nấu parafin	Cái	2	147.000
162	Lò sưởi điện	Cái	5	13.000
163	Lực kế chân	Cái	2	28.000
164	Lực kế tay	Cái	2	22.000
165	Mắt nạ các loại cho người lớn và trẻ em	Cái	11	8.000
166	Máy ghi điện tim	Cái	2	70.000
167	Máy hút điện chạy liên tục áp lực thấp	Cái	5	29.547
168	Máy bao viên thuốc	Cái	1	30.000
169	Máy bơm điện	Cái	174	53.000
170	Máy bơm hơi vôi trứng	Cái	1	20.000
171	Máy càn ép thủy lực	Cái	1	18.000
172	Máy cạo vôi siêu âm	Cái	1	22.000
173	Máy cất nước 2 lần	Cái	3	150.000
174	Máy cất nước 20 lít/giờ	Cái	2	22.000
175	Máy cất nước 50 lít/giờ	Cái	1	93.000
176	Máy cưa	Cái	2	13.000
177	Máy đấm	Cái	1	13.000
178	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1	54.000
179	Máy điện tim	Cái	14	89.000
180	Máy điện tim (12 kênh, tự động phân tích kết quả)	Cái	2	236.000
181	Máy điều hoà	Cái	14	25.000
182	Máy điều trị bằng dòng giao thoa	Cái	2	145.000
183	Máy điều trị bệnh từ trường	Cái	3	472.000
184	Máy điều trị tần số cao	Cái	2	355.000
185	Máy điều trị tần số thấp	Cái	1	200.000
186	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	3	215.000

187	Máy đo điện giải đồ dùng điện cực chọn lọc	Cái	1	143.000
188	Máy đo độ pH	Cái	1	75.000
189	Máy đo hiện sóng 2 dòng	Cái	1	37.500
190	Máy dò huyết tâm cứu	Cái	15	112.000
191	Máy đo khúc xạ tự động	Cái	1	445.000
192	Máy đo liều tia xạ phòng hộ	Cái	1	50.000
193	Máy đo loãng xương	Cái	1	250.000
194	Máy đo nồng độ bão hoà ôxy cầm tay	Cái	15	27.000
195	Máy đo thị lực	Cái	1	142.000
196	Máy đo thính lực	Cái	2	499.000
197	Máy đo tim thai (Dopple)	Cái	5	18.000
198	Máy đốt điện	Cái	4	250.000
199	Máy đốt điện cổ tử cung	Cái	1	269.000
200	Máy ép túi tiết trùng	Cái	1	55.000
201	Máy Galvanic kích thích điện	Cái	1	139.000
202	Máy hút ẩm	Cái	14	63.000
203	Máy hút áp lực thấp	Cái	12	30.000
204	Máy hút chân không	Cái	1	50.000
205	Máy hút dịch cho xe cứu thương	Cái	4	31.000
206	Máy hút điện + đập chân	Cái	21	50.000
207	Máy hút đờm dãi	Cái	13	30.000
208	Máy hút phẫu thuật	Cái	5	50.000
209	Máy huỷ bơm kim tiêm	Cái	8	5.000
210	Máy kéo dẫn	Cái	2	434.000
211	Máy khí dung siêu âm	Cái	5	27.000
212	Máy khử khuẩn buồng bệnh	Cái	5	140.000
213	Máy khử khuẩn và sấy khô	Cái	2	180.000
214	Máy kích thích điện	Cái	2	157.000
215	Máy lắc	Cái	1	12.000
216	Máy lắc có cân để lấy máu	Cái	1	338.000
217	Máy lade tâm cứu	Cái	1	257.000
218	Máy lade điều trị các loại	Cái	3	293.000
219	Máy làm sạch dụng cụ bằng siêu âm	Cái	1	309.000
220	Máy lấy cao răng	Cái	2	63.000
221	Máy lấy số tự động	Cái	1	30.000
222	Máy li tâm	Cái	10	240.000

223	Máy lọc nước nóng lạnh	Cái	20	35.000
224	Máy micromotor	Cái	1	20.000
225	Máy nén khí	Cái	3	20.000
226	Máy nhiệt trị liệu	Cái	1	461.000
227	Máy nội soi TMH	Cái	1	280.000
228	Máy phá rung tim và tạo nhịp tim	Cái	6	368.000
229	Máy phân tích huyết học	Cái	5	485.000
230	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Cái	2	43.000
231	Máy phân tích sinh hoá bán tự động	Cái	1	182.000
232	Máy phun	Cái	4	35.000
233	Máy rửa dụng cụ y tế tự động	Cái	1	200.000
234	Máy rửa phim X- quang tự động	Cái	2	344.000
235	Máy sấy đồ vải 30 kg	Cái	2	405.000
236	Máy sấy tiêu bản	Cái	1	36.000
237	Máy siêu âm điều trị	Cái	1	200.000
238	Máy sốc điện	Cái	2	368.000
239	Máy soi cổ tử cung	Cái	1	310.000
240	Máy tán thuốc	Cái	2	138.000
241	Máy tạo nhịp tim ngoài cơ thể	Cái	1	368.000
242	Máy tạo ô xy di động	Cái	26	41.000
243	Máy thái thuốc	Cái	1	438.000
244	Máy theo dõi chuyển dạ đẻ	Cái	2	250.000
245	Máy trám răng lưu động	Cái	1	130.000
246	Máy truyền dịch	Cái	7	71.000
247	Máy xét nghiệm Elisa	Cái	1	175.000
248	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	1	45.000
249	Máy X-quang răng	Cái	1	482.000
250	Monitor sản khoa	Cái	4	70.000
251	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	25	499.500
252	Nồi hấp áp lực 18 lít điện - than	Cái	5	81.000
253	Nồi hấp điện	Cái	2	281.000
254	Nồi hấp kim và dụng cụ châm cứu	Cái	1	81.000
255	Nồi hấp loại lớn	Cái	3	406.000
256	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	62.000
257	Nồi hấp tiệt trùng loại lớn	Cái	1	200.000
258	Nồi luộc bơm kim tiêm	Cái	2	81.000

259	Nồi luộc dụng cụ	Cái	13	81.000
260	Ồn áp các loại	Cái	23	5.000
261	Ống nội khí quản các cỡ	Cái	10	7.000
262	Pipette tự động các loại (P10, P20, P100, P1000) ml	Cái	4	137.000
263	Siêu âm điều trị	Cái	3	141.000
264	Sinh hiển vi khám mắt	Cái	1	110.000
265	Thang tập	Cái	1	8.000
266	Thanh song inox	Cái	1	15.000
267	Thiết bị đo nồng độ cồn trong máu	Cái	1	50.000
268	Thiết bị rửa tay phẫu thuật viên 2 người	Cái	2	175.000
269	Thiết bị sắc thuốc	Cái	10	171.000
270	Thiết bị soi ối	Cái	1	100.000
271	Thiết bị thông báo gọi y tá	Cái	1	125.000
272	Thùng lạnh chứa vắc xin	Cái	20	7.000
273	Tủ âm	Cái	1	39.000
274	Tủ an toàn sinh học	Cái	1	200.000
275	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Cái	1	450.000
276	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (mỗi tủ 50 ô)	Cái	2	45.000
277	Tủ đựng dụng cụ	Cái	13	14.000
278	Tủ đựng phim chưa chụp	Cái	1	14.000
279	Tủ đựng thuốc đông y	Cái	2	45.000
280	Tủ hút hơi khí độc	Cái	1	277.000
281	Tủ lạnh	Cái	61	20.000
282	Tủ lạnh bảo quản máu	Cái	2	235.000
283	Tủ lạnh sâu – 30 độC	Cái	2	331.000
284	Tủ lưu mẫu thực phẩm (thanh, kiểm tra, hậu kiểm)	Cái	13	50.000
285	Tủ nuôi cấy có CO2	Cái	1	263.000
286	Tủ nuôi cấy vi sinh	Cái	1	313.000
287	Tủ nuôi cấy yếm khí	Cái	1	240.000
288	Tủ sấy	Cái	27	63.000
289	Tủ sấy khô 150 lít	Cái	2	80.000
290	Túi chườm nóng lạnh (cao su)	Cái	60	5.000
291	Tỷ trọng kế	Cái	1	7.000
292	Van chỉnh áp cho bình ô xy	Cái	46	5.000

293	Xe đạp có lực	Cái	1	5.000
294	Xe đạp găng sức	Cái	4	161.000
295	Xe đẩy đồ vải	Cái	17	7.000
296	Xe đẩy hàng	Cái	2	20.000
297	Xe lăn tay	Cái	10	10.000
298	Xe mũi tên	Cái	1	6.000
299	Xe nâng hàng	Cái	2	38.000
300	Xe thu gom rác	Cái	3	20.000
301	Xoong luộc dụng cụ	Cái	7	8.000
302	Yếm chì	Cái	2	25.000
III	Các phòng khám đa khoa khu vực, trung tâm y tế xã, phường			
1	Balon ôxy hoặc Bình ôxy xách tay có đồng hồ	Cái	9	7.000
2	Bàn để thép không gỉ	Cái	5	6.000
3	Bàn đón bé sơ sinh	Cái	2	35.000
4	Bàn là điện	Cái	2	9.000
5	Bàn mổ	Cái	1	447.000
6	Bình cấp nước lọc cho các khoa phòng	Cái	5	9.000
7	Bình ô xy	Cái	4	7.000
8	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	3	52.000
9	Bộ đặt nội khí quản người lớn trẻ em	Bộ	1	29.000
10	Bộ dụng cụ chích bắp	Bộ	1	52.000
11	Bộ dụng cụ đỡ đẻ	Bộ	8	126.000
12	Bộ dụng cụ khám bệnh	Bộ	5	15.000
13	Bộ dụng cụ khám điều trị mắt (đồng bộ)	Bộ	2	38.000
14	Bộ dụng cụ khám phụ sản khoa	Bộ	7	200.000
15	Bộ dụng cụ khám, điều trị sản phụ khoa	Bộ	3	408.000
16	Bộ dụng cụ lấy dị vật mắt	Bộ	1	71.000
17	Bộ dụng cụ nhỏ chữa răng	Bộ	7	15.000
18	Bộ dụng cụ nhổ răng	Bộ	10	75.000
19	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Bộ	1	284.000
20	Bộ dụng cụ rửa dạ dày	Bộ	9	15.000
21	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	14	71.000
22	Bộ dụng cụ triệt sản nam + nữ	Bộ	2	135.000
23	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	3	71.000
24	Bộ khám điều trị TMH	Bộ	2	410.000

25	Bộ khám ngũ quan + đèn treo trán	Bộ	2	30.000
26	Bộ lấy chấp mắt	Bộ	2	71.000
27	Bộ tiêu phẫu	Bộ	4	70.000
28	Bơm hút sữa bằng tay	Cái	2	8.000
29	Bóng hút nhót mũi trẻ sơ sinh + ống hút nhót	Cái	7	18.000
30	Cân kỹ thuật	Cái	1	63.000
31	Cân trẻ em	Cái	12	5.000
32	Dao cắt Amydan	Cái	1	11.000
33	Đèn bàn khám bệnh	Cái	17	38.000
34	Đèn clar	Cái	4	19.000
35	Đèn gù	Cái	2	207.000
36	Đèn khám mắt mũi tai	Cái	4	19.000
37	Đèn khám ngũ quan	Cái	2	10.000
38	Đèn mổ 1 bóng di động	Cái	3	207.000
39	Đèn mổ 4 bóng di động	Cái	1	207.000
40	Đèn soi đáy mắt gián tiếp	Cái	2	292.000
41	Đèn soi đáy mắt trực tiếp	Cái	4	12.000
42	Đèn treo khám ngũ quan	Cái	3	19.000
43	Đồng bộ dụng cụ khám điều trị TMH (đồng bộ)	Cái	2	411.000
44	Doppler tim thai	Cái	6	25.000
45	Dụng cụ đặt vòng tránh thai	Cái	5	9.000
46	Dụng cụ tháo vòng tránh thai	Cái	4	9.000
47	Ghế khám điều trị răng (đơn giản)	Cái	2	18.000
48	Ghế răng đơn giản	Cái	6	18.000
49	Giá để tiếp nhận vật chưa hấp và đã hấp	Cái	4	9.000
50	Giá sách để hồ sơ bệnh án	Cái	3	113.000
51	Giá, kệ đựng dược liệu	Cái	17	17.000
52	Giác hút thai	Cái	1	23.000
53	Giường cấp cứu	Cái	3	7.000
54	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Cái	12	13.000
55	Giường đẻ	Cái	3	6.000
56	Giường hồi sức (1-3 tay quay)	Cái	1	12.000
57	Giường ủ ấm trẻ sơ sinh	Cái	4	215.000
58	Giường xoa bóp	Cái	2	12.500
59	Hệ thống làm tinh khiết nước	Hệ	2	125.000

		thống		
60	Hệ thống loa, tăng âm hướng dẫn bệnh nhân	Hệ thống	2	250.000
61	Hệ thống monitor (màn hình) hướng dẫn bệnh nhân	Hệ thống	1	125.000
62	Kệ xếp chứng từ, bệnh án (sắt)	Cái	4	45.000
63	Kệ, giá để thuốc	Cái	7	12.000
64	Khung treo phim X-quang thép không rỉ các cỡ	Cái	2	7.000
65	Kính hiển vi	Cái	7	40.000
66	Kính lúp 2 mắt	Cái	7	40.000
67	Lò sưởi điện	Cái	10	13.000
68	Lực kế chân	Cái	1	28.000
69	Lực kế tay	Cái	1	22.000
70	Mặt nạ các loại cho người lớn và trẻ em	Cái	3	8.000
71	Máy bơm nước tay (nơi không có điện)	Cái	2	13.000
72	Máy điện tim	Cái	9	89.000
73	Máy điều hoà	Cái	4	25.000
74	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1	215.000
75	Máy dò huyết tâm cứu	Cái	6	112.000
76	Máy đo nồng độ bão hoà ô xy cầm tay	Cái	5	27.000
77	Máy đo tim thai (Dopple)	Cái	3	18.000
78	Máy đốt điện cổ tử cung	Cái	1	269.000
79	Máy hút âm	Cái	4	63.000
80	Máy hút áp lực thấp	Cái	4	30.000
81	Máy hút điện + đập chân	Cái	3	50.000
82	Máy hút đờm dãi	Cái	5	30.000
83	Máy huỷ bơm kim tiêm	Cái	5	5.000
84	Máy khí dung siêu âm	Cái	3	27.000
85	Máy lấy cao răng	Cái	1	63.000
86	Máy li tâm	Cái	11	240.000
87	Máy lọc nước nóng lạnh	Cái	5	35.000
88	Máy phân tích huyết học	Cái	5	485.000
89	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Cái	2	43.000
90	Máy rửa phim X- quang tự động	Cái	1	344.000
91	Máy sấy đồ vải 30 kg	Cái	1	405.000
92	Máy sấy tiêu bản	Cái	1	36.000

93	Máy tạo ô xy di động	Cái	3	41.000
94	Máy theo dõi chuyển dạ đẻ	Cái	1	250.000
95	Máy thu hình	Cái	3	30.000
96	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	4	45.000
97	Máy xét nghiệm sinh hoá (đơn giản)	Cái	4	182.000
98	Nồi hấp áp lực 18 lít điện - than	Cái	3	81.000
99	Nồi hấp điện	Cái	2	281.000
100	Nồi hấp kim và dụng cụ châm cứu	Cái	5	81.000
101	Nồi hấp loại 75 lít	Cái	2	281.000
102	Nồi hấp loại lớn	Cái	7	406.000
103	Nồi hấp ướt	Cái	3	281.000
104	Nồi luộc dụng cụ điện	Cái	6	281.000
105	Ổn áp các loại	Cái	9	5.000
106	Pipette tự động các loại (P10, P20, P100, P1000) ml	Cái	1	137.000
107	Siêu âm điều trị	Cái	1	141.000
108	Thùng lạnh chứa vắc xin	Cái	15	7.000
109	Tủ chia ô đựng thuốc nam, bắc (mỗi tủ 50 ô)	Cái	7	45.000
110	Tủ đựng thuốc đông y	Cái	6	45.000
111	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	Cái	5	14.000
112	Tủ giữ đồ cho BN và người nhà	Cái	1	15.000
113	Tủ giữ đồ cho NVYT	Cái	2	10.000
114	Tủ lạnh	Cái	22	20.000
115	Tủ sấy	Cái	11	63.000
116	Tủ sấy khô 150 lít	Cái	1	80.000
117	Túi chườm nóng lạnh (cao su)	Cái	6	5.000
118	Van chỉnh áp cho bình ôxy	Cái	7	5.000
119	Xe đẩy đồ vải	Cái	4	7.000
120	Xe lăn tay	Cái	3	10.000
121	Xoong luộc dụng cụ	Cái	13	8.000
122	Yếm chì	Cái	1	25.000
A.2 Ngành Phát thanh - Truyền Hình				
I	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh			
1	Antenna	Cái	1	9.000
2	Audio patch panel 32 jack	Bộ	2	35.000
3	Bàn đặt thiết bị điều khiển	Bộ	2	65.000

4	Bản giao tiếp tín hiệu vào ra phim trường	Bộ	2	22.000
5	Bàn Swicher SD/HD	Bộ	5	250.000
6	Bàn trộn âm thanh kỹ thuật số	Bộ	2	78.000
7	Bộ 1x7 SDI Dustribution Amplifier	Bộ	1	23.000
8	Bộ 3G/HD/SD Dual 1x4 / Single 1x8 Distribution Amplifier	Bộ	5	33.000
9	Bộ 3G/HD/SD Dual 1x4 SDI Distribution Amplifier with optical inputs & output	Bộ	4	49.000
10	Bộ 3G/SD/HD Frame Sync + Embedded Audio Processing + Ext AES	Bộ	2	282.000
11	Bộ chân cho Camera bộ phận dựng hình	Bộ	4	193.000
12	Bộ chân cho Camera trường quay	Bộ	7	70.000
13	Bộ chia tín hiệu Time Code 1x6	Bộ	1	35.000
14	Bộ chuyển đổi SDI qua HDMI, hỗ trợ Audio Output	Bộ	10	30.000
15	Bộ điều khiển ống kính	Bộ	7	50.000
16	Bộ điều khiển zoom và focus	Bộ	4	125.000
17	Bộ Down converter	Bộ	2	110.000
18	Bộ Dual 1x4 Wide Band Analog Video / Sync Distribution Amplifier	Bộ	2	30.000
19	Bộ ghép và chuyển đổi tín hiệu hình tiếng từ Video Composite và Audio Analog qua SDI với âm thanh nhúng (ADC & Mux)	Bộ	2	69.000
20	Bộ ghi & Streaming trực tiếp + thẻ nhớ lưu chương trình	Bộ	1	78.000
21	Bộ ghi hình chuẩn HD, có khả năng hỗ trợ 4K	Bộ	2	311.000
22	Bộ ghi phát tín hiệu	Bộ	1	320.000
23	Bộ GPS Master Clock/Time Code Generator, kèm theo:	Bộ	1	150.000
24	Bộ HD/SD SDI and AES Test Signal Generator	Bộ	2	100.000
25	Bộ kết nối tín hiệu qua đường điện thoại (Telephone Hybrid)	Bộ	2	69.000
26	Bộ khuếch đại audio analog	Bộ	6	32.000
27	Bộ khuếch đại phân chia tín hiệu Analog Sterao 1x4 / Mono 1x8	Bộ	1	32.000
28	Bộ khuếch đại phân chia tín hiệu Video Analog Dual 1x4	Bộ	1	30.000
29	Bộ khuếch đại phân chia tín hiệu Video SD/HD-SDI loại Dual 1x4, hỗ trợ Fiber	Bộ	4	49.000

	I/O,			
30	Bộ máy biên tập & kiểm duyệt chương trình	Bộ	10	323.000
31	Bộ máy CG chạy chữ đồ họa chuẩn HD	Bộ	2	460.000
32	Bộ máy dựng hình phi tuyến chuẩn HD, giao tiếp hệ thống MAM	Bộ	14	388.000
33	Bộ máy dựng hình phi tuyến chuẩn HD, giao tiếp hệ thống MAM, có phần cứng hỗ trợ In/Out	Bộ	4	440.000
34	Bộ máy ghi & transcode tự động 2 kênh chương trình chuẩn HD, giao tiếp hệ thống MAM	Bộ	3	453.000
35	Bộ máy làm đồ họa và kỹ xảo 2D/3D (Graphic)	Bộ	4	415.000
36	Bộ máy lập chương trình và phát file trực tiếp chuẩn HD	Bộ	2	330.000
37	Bộ máy lập lịch và điều khiển chương trình phát	Bộ	1	385.000
38	Bộ máy lưu động dùng biên tập, kiểm duyệt và làm chương trình từ xa	Bộ	2	220.000
39	Bộ máy vi tính dựng phi tuyến (dựng hình ảnh âm thanh) chuyên dụng	Bộ	15	90.000
40	Bộ micro không dây cài áo	Bộ	3	19.000
41	Bộ micro không dây cầm tay	Bộ	3	19.000
42	Bộ nguồn dự phòng cho Bộ chuyển mạch và Panel điều khiển	Bộ	6	11.000
43	Bộ nguồn dự phòng cho khung Rack	Bộ	2	15.000
44	Bộ phát đeo lưng cho micro cài áo	Bộ	4	26.000
45	Bộ phát xung đồng Bộ (dự phòng 1-1)	Bộ	1	117.000
46	Bộ phát xung đồng Bộ SD/HD (dự phòng 1+1)	Bộ	2	117.000
47	Bộ Rack Controller - LAN connection to Control System	Bộ	4	12.000
48	Bộ tạo xung đồng Bộ HD/SD (SPG) dự phòng 1-1	Bộ	1	117.000
49	Bộ thiết bị kiểm âm			58.000
50	Bộ thu cho các micro ko dây bao gồm anten	Bộ	4	127.000
51	Bộ thu sóng	Bộ	1	28.000
52	Bộ truyền tín hiệu Camera qua 3G/4G chuẩn SD/HD	ht	2	492.000

53	Bộ tự động chuyển đổi luồng SDI	Bộ	1	264.000
54	Bộ Video patchbay 26x2	Bộ	1	26.000
55	Bộ Waveform SD/HD	Bộ	2	220.000
56	Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số	Bộ	1	169.000
57	Bộ xử lý Down converter với Analog & Digital Audio / Video Output	Bộ	1	103.000
58	Bộ xử lý UP/CROSS/DOWN Converter với chức năng Frame Sync, hỗ trợ xử lý 2 kênh	Bộ	2	205.000
59	Camera cho phóng viên - Full HD 3 x1/2 inch	Bộ	10	395.000
60	Card khuếch đại phân chia Analog Video/Sync	card	2	29.000
61	Chi phí đào tạo & chuyển giao công nghệ	Dịch Vụ	2	104.000
62	Chi phí lắp đặt	Dịch Vụ	2	207.000
63	Chi phí lắp đặt hệ thống	Bộ	1	259.000
64	Chi phí đào tạo & chuyển giao công nghệ	Bộ	1	104.000
65	Chuyển mạch dự phòng	Bộ	1	263.000
66	Chuyển mạch HD/SD 16x16 cho Video	Bộ	4	204.000
67	Đầu ghi/phát Audio bằng thẻ nhớ	Bộ	1	46.000
68	Distribution amplifier Module Dual 1x4 / Single 1x8 Analog Audio	Module	1	32.000
69	Đồng hồ hiển thị GPS loại 12"	Bộ	4	40.000
70	Hệ thống Intercom	Hệ thống	2	280.000
71	Hệ thống liên lạc	Hệ thống	1	290.000
72	Hệ thống nhắc lời & hiển thị cho phim trường	Hệ thống	2	220.000
73	Hệ thống truyền không dây Wireless/Wi-Fi cho Camera	Hệ thống	1	414.000
74	Hệ thống tủ Rack gắn thiết bị	Bộ	2	104.000
75	Khung Frame gắn Bộ xử lý Video/Audio, cho phép gắn tối thiểu 14 Bộ/Khung	Bộ	1	43.000
76	Khung Frame gắn Card Module xử lý Video/Audio, cho phép gắn tối thiểu 10 module	Bộ	2	127.000
77	Khung nguồn chứa các Bộ + nguồn	Bộ	4	69.000
78	Khung Rack gắn các Bộ xử lý tín hiệu, hỗ	Bộ	2	69.000

	trợ gắn tối đa 10 Bộ/khung, kèm theo Bộ nguồn chính			
79	Loa kiểm tra - Studio Speaker Monitor	Cặp	2	26.000
80	Màn hình hiển thị 40" cho Multiview	Cái	4	20.000
81	Màn hình hiển thị cho Multiview		2	131.000
82	Màn hình kiểm tra video 32"	Cái	6	16.000
83	Máy phát âm thanh	Cái	1	60.000
84	Máy trộn âm thanh 16 kênh	Cái	1	143.000
85	Menu cảm ứng	Cái	1	145.000
86	Micro có dây loại cầm tay F-720	Cái	2	6.000
87	Micro có dây loại cầm tay F-780	Cái	4	11.000
88	Micro có dây loại thu xa (shotgun)	Cái	2	12.000
89	Micro không dây loại cài nút áo	Bộ	8	10.000
90	Micro không dây loại cầm tay và Bộ phát	Bộ	4	50.000
91	Module 3G/HD/SD 4 Channel Analog Audio Embedder hoặc De-embedder (selectable)	Module	1	61.000
92	Module 3G/SD/HD Frame Sync, Embedded Audio Processing, HQ UP/CROSS/DOWN Conversion, Fiber I/O	Bộ	2	282.000
93	Module chia 3G/HD/SD Dual 1x4 / Single 1x8	Module	4	33.000
94	Module Dual 1x4 / Single 1x8 AES Distribution amplifier	Module	1	19.000
95	Module Option cho kênh vào thứ 2 Bộ Up Converter	Module	1	28.000
96	Module Option xử lý HQ UP/CROSS/DOWN kênh 2 cho Bộ Up Converter	Module	1	37.000
97	Monitor kiểm tra tín hiệu HD/SD-SDI	Cái	4	107.000
98	Nguồn dự phòng cho khung	Cái	4	16.000
99	ODF quang 16 port & cáp nhảy	Bộ	2	39.000
100	Ống kính cho Camera HD	Bộ	4	223.000
101	Ống kính góc rộng cho Camera HD	Bộ	3	437.000
102	Ống kính HD loại Zoom 17x	Cái	1	467.000
103	Option module thu phát quang (Tx), loại 10km, bước sóng 1550nm	Bộ	2	12.000
104	Option module thu phát quang (Tx), loại 80km, bước sóng 1550nm	Bộ	2	28.000

105	Option module thu quang (Rx), bước sóng 1260 - 1620nm	Bộ	2	9.000
106	Option module thu quang loại độ nhạy cao hỗ trợ 80km, bước sóng 1260 - 1620nm	Bộ	2	15.000
107	Panel điều khiển từ xa cho Bộ chuyển mạch 16x16	Bộ	4	48.000
108	Vật tư khác		2	207.000
109	Vật tư, phụ kiện, lắp đặt, đào tạo	Hệ thống	2	311.000
110	Video Patch 24x2	Bộ	2	14.000
II	Đài Truyền thanh - truyền hình huyện			
1	Máy phát truyền hình	Cái	1	400.000
2	Máy phát thanh FM	Cái	1	400.000
3	Bộ thu truyền thanh không dây	Bộ	1	120.000
III	Đài Truyền thanh cơ sở			
1	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM), băng tần từ 54->68MHz	Bộ	1	77.000
2	Bộ mã hóa điều khiển từ xa công nghệ RDS	Bộ	1	17.000
3	Bộ thu truyền thanh không dây công nghệ RDS	Bộ	1	215.000
4	Bộ phát sóng tự động tích hợp 02 máy thu AM/FM chuyên dùng	Bộ	1	18.000
5	Bàn trộn âm thanh 08 đường	Cái	1	5.000
6	Máy Cassettes 01 hộc băng 01 hộc đĩa và Tuner kỹ thuật số	Cái	1	3.000
7	Microphone thu âm chuyên dụng	Cái	1	5.000
8	Tai nghe kiểm âm chuyên dụng	Cái	1	3.000
9	Hệ thống máy vi tính và phần mềm biên tập chương trình phát thanh	Bộ	1	25.000
10	Hệ thống chống sét lan truyền đường điện	Hệ thống	1	45.000
11	Lắp dựng trụ anten	Cột	1	85.000
A.3. Ngành Văn Hóa - Thể Thao				
I	Đoàn Ca múa nhạc dân tộc và Trung tâm Văn hóa tỉnh			
1	Bàn điều khiển âm thanh	Cái	1	100.000
2	Bàn điều khiển ánh sáng DMX	Cái	1	102.000
3	Bộ khuếch đại tín hiệu ánh sáng	Cái	1	14.000
4	Bộ nâng tín hiệu	Cái	2	7.000

5	Chân đèn tay quay	Cái	4	6.000
6	Chân treo loa tay quay cơ động linh hoạt	Cái	2	98.000
7	Công suất cho đèn par chiếu mặt	Cái	1	56.000
8	Đèn Beam 330	Cái	24	20.000
9	Đèn kỹ xảo sân khấu	Cái	8	20.000
10	Giá treo loa line array	Cái	2	20.000
11	Loa kiểm âm cho sân khấu	Cái	6	36.000
12	Loa line array liền công suất 2x10" +2, 700W RMS, 1400W peak	Cái	22	82.000
13	Loa siêu trầm liền công suất 2x18", 2500W RMS, 5000W peak	Cái	4	122.000
14	Loa siêu trầm liền công suất 5000 W	Cái	4	80.000
15	Máy khói	Cái	2	8.000
16	Micro không dây cầm tay	Cái	10	20.000
17	Micro Sennheiser không dây	Cái	4	20.000
18	Palang	Cái	4	7.000
19	Phân tần RCF DX 2006	Cái	1	55.000
20	Thùng đựng MIXER	Cái	1	7.000
21	Tủ điện 3 pha	Cái	2	7.000
II	Trung tâm văn hóa các huyện, thành phố			
1	Đàn Yamaha	Cái	3	30.000
2	Đàn guitar	Cái	2	10.000
3	Máy quay phim	Cái	1	50.000
4	Máy chụp ảnh chuyên dụng	Cái	1	50.000
5	Ổn áp	Cái	1	20.000
6	Dàn đèn	Bộ	1	150.000
A.4. Ngành Tài nguyên - Môi trường				
I	VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI			
1	Bộ đàm	Bộ	6	7.000
2	Máy định vị GPS	Cái	3	120.000
3	Máy đo đạc bản đồ	Cái	4	120.000
4	Máy GPS cầm tay	Cái	6	15.000
5	Máy in bản đồ màu khổ A3	Cái	1	40.000

6	Máy in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khổ A3	Cái	4	40.000
7	Máy in màu bản đồ địa hình, địa chính khổ A0	Cái	1	180.000
8	Máy photocopy đặc thù khổ A0 để photo các loại bản đồ chuyên ngành (địa hình, địa chính, v.v.)	Cái	1	150.000
9	Máy scan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khổ A3	Cái	2	70.000
10	Máy scan màu đặc thù khổ A0 để scan các loại bản đồ chuyên ngành (địa hình, địa chính, v.v.)	Cái	1	300.000
CÁC CHI NHÁNH TRỰC THUỘC				
1	Bộ đàm	Bộ	3	7.000
2	Máy đo đạc bản đồ	Cái	2	120.000
3	Máy GPS cầm tay	Cái	2	20.000
4	Máy in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khổ A3	Cái	2	40.000
5	Máy photocopy đặc thù khổ A3 để photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Cái	1	90.000
6	Máy scan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khổ A3	Cái	1	70.000
II TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Bộ đàm	Bộ	18	7.000
2	Máy định vị GPS	Cái	4	120.000
3	Máy đo đạc bản đồ	Cái	8	120.000
4	Máy GPS cầm tay	Cái	6	15.000
5	Máy in khổ A3	Cái	4	40.000
6	Máy in màu khổ A0	Cái	2	180.000
7	Máy photocopy đặc thù khổ A0 để photo các loại bản đồ chuyên ngành	Cái	1	150.000
8	Máy scan khổ A3	Cái	2	70.000
9	Máy scan màu đặc thù khổ A0 để scan các	Cái	1	

	loại bản đồ chuyên ngành			300.000
III	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT			
1	Bộ đàm	Bộ	6	7.000
2	Máy định vị GPS	Cái	3	120.000
3	Máy đo đạc bản đồ	Cái	4	120.000
4	Máy GPS cầm tay	Cái	3	15.000
5	Máy in khổ A3	Cái	2	40.000
6	Máy in màu khổ A0	Cái	1	180.000
7	Máy scan khổ A3	Cái	2	70.000
IV	TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
1	Bể điều nhiệt	Cái	1	64.000
2	Bể siêu âm	Cái	1	50.000
3	Bình hút âm	Cái	4	11.000
4	Bộ cất Cyanua	Bộ	1	50.000
5	Bộ cất phenol	Bộ	1	50.000
6	Bộ cất quay chân không	Bộ	1	100.000
7	Bộ chiết Soxhlet	Bộ	1	50.000
8	Bộ đếm khuẩn lạc	Bộ	1	57.000
9	Bộ đo độ sa lắng 6 vị trí (Jartest)	Bộ	1	75.000
10	Bộ dụng cụ làm phân tích vi sinh	Bộ	1	23.000
11	Bộ dụng cụ lấy mẫu chất thải rắn	Bộ	2	70.000
12	Bộ dụng cụ, thiết bị lấy mẫu đất bằng tay	Bộ	2	75.000
13	Bộ khoan lấy mẫu chất thải rắn hiện trường	Bộ	2	101.000



14	Bộ khoan lấy mẫu đất	Bộ	2	120.000
15	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, động vật đáy)	Bộ	2	30.000
16	Bộ Micro-pipette	Bộ	1	38.000
17	Bộ ổn nhiệt	Bộ	1	70.000
18	Bộ phá mẫu và chưng cất đậm	Bộ	1	450.000
19	Bộ phân tích TSS	Bộ	1	67.000
20	Bộ vô cơ hóa mẫu bằng nguyên lý vi sóng	Bộ	1	495.000
21	Bơm chân không	Cái	2	132.000
22	Bơm lấy mẫu khí SO ₂ , CO, NO ₂ theo phương pháp hấp thụ (lưu lượng thấp từ 0,5 – 2 lít/phút)	Cái	5	80.000
23	Cân kỹ thuật	Cái	3	63.000
24	Cân phân tích 4 số lẻ	Cái	1	47.000
25	Cân phân tích 5 số lẻ	Cái	1	147.000
26	Disenor	Cái	1	13.000
27	Hệ thống xử lý khí thải chung cho các tủ hút	Hệ thống	1	275.000
28	Hệ thống xử lý nước thải sau khi phân tích	Hệ thống	1	450.000
29	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1	120.000
30	Lò nung	Cái	1	80.000
31	Máy ảnh đi hiện trường	Cái	4	15.000
32	Máy bơm nước tăng áp	Cái	2	10.000
33	Máy cất nước 2 lần	Cái	2	150.000
34	Máy định vị vệ tinh (GPS)	Cái	4	120.000

35	Máy đo các thông số khí tượng cầm tay	Cái	2	35.000
36	Máy đo DO để bàn (có đầu đo cho phân tích BOD ₅)	Cái	1	138.000
37	Máy đo độ ồn tích phân	Cái	2	160.000
38	Máy đo độ rung tích phân	Cái	2	130.000
39	Máy đo nhiệt độ, độ dẫn, độ muối và TDS	Cái	2	46.000
40	Máy hút ẩm	Cái	5	20.000
41	Máy hút bụi	Cái	2	4.000
42	Máy in màu	Cái	1	15.000
43	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	35.000
44	Máy lắc đứng và ngang	Cái	2	60.000
45	Máy ly tâm	Cái	1	110.000
46	Máy nghiền mẫu khô	Cái	1	45.000
47	Máy pH để bàn	Cái	1	25.000
48	Máy quang phổ hồng ngoại chuyển hóa Fourier (FTIR)	Cái	1	160.000
49	Máy TDS/EC để bàn	Cái	1	25.000
50	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1	156.000
51	Pipét tự động	Cái	8	18.000
52	Thiết bị đo độ ẩm đất	Cái	2	25.000
53	Thiết bị đo độ dẫn điện (EC),	Cái	2	50.000
54	Thiết bị đo độ đục (NTU) hiện trường	Cái	2	85.000
55	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy (kênh hở)	Cái	2	55.000

56	Thiết bị đo nhanh khí thải ống khói	Cái	2	450.000
57	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải ống khói	Cái	2	50.000
58	Thiết bị đo nhiệt độ, pH hiện trường	Cái	2	35.000
59	Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường	Cái	2	85.000
60	Thiết bị đo tổng chất rắn hòa tan (TDS) hiện trường	Cái	2	50.000
61	Thiết bị lấy mẫu bụi PM ₁₀ (PM _{2.5} , PM _{1.0}) kèm bộ cắt bụi PM ₁₀ (PM _{2.5} , PM _{1.0})	Cái	2	200.000
62	Thiết bị lấy mẫu bụi TSP (lưu lượng lớn 500 – 2000 lít/phút)	Cái	3	150.000
63	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích tầng sâu (kiểu gầu Van Veen), tời cầm tay	Cái	2	120.000
64	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích thông thường (kiểu gầu Ekman)	Cái	2	120.000
65	Thiết bị lấy mẫu khí thải và mẫu bụi ống khói theo Isokinetic	Cái	2	490.000
66	Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động	Cái	2	100.000
67	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn hoặc Kammerer	Cái	4	50.000
68	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Cái	1	400.000
69	Thiết bị phân tích BOD ₅ (chai BOD tiêu chuẩn, tủ ủ mẫu, máy sục khí ...)	Cái	1	150.000
70	Thiết bị phân tích COD (bếp đun phá mẫu, máy so màu đồng bộ)	Cái	1	150.000
71	Thiết bị phân tích hàm lượng dầu trong nước tự động	Cái	1	430.000
72	Thiết bị phân tích quang phổ tử ngoại, khả kiến (UV-VIS)	Cái	2	250.000
73	Tủ ấm	Cái	7	65.000
74	Tủ bảo quản mẫu	Cái	4	235.000

75	Tủ cấy vi sinh – Class II	Cái	1	300.000
76	Tủ hút chân không	Cái	1	50.000
77	Tủ hút khí độc	Cái	6	270.000
78	Tủ hút phòng thí nghiệm chịu dung môi hữu cơ	Cái	1	275.000
79	Tủ hút phòng thí nghiệm chịu hóa chất axit	Cái	1	275.000
80	Tủ lạnh (sử dụng liên tục)	Cái	7	20.000
81	Tủ lạnh sâu	Cái	2	330.000
82	Tủ sấy loại nhỏ	Cái	1	56.000
83	Tủ sấy loại to	Cái	1	63.000
A.5	Ngành Giáo dục và Đào tạo			
I	Văn phòng Sở Giáo dục - Đào tạo			
1	Máy in băng	Cái	1	25.000
2	Máy photocopy bài thi (tốc độ cao)	Cái	1	150.000
3	Máy scan hai mặt có chức năng chấm bài thi trắc nghiệm	Cái	1	200.000
II	Phòng Giáo dục- Đào tạo các huyện, tp			
1	Máy in băng	Cái	1	25.000
2	Máy photocopy bài thi (tốc độ cao)	Cái	1	150.000
A.6	Ngành Lao động - Thương binh xã hội			
	Hệ thống thiết bị dạy nghề các Trường, Trung tâm đào tạo	Hệ thống	1	250.000
A.7	Ngành Khoa học và Công nghệ			
1	Buồng chì chứa nguồn phóng xạ	Cái	5	18.000
2	Liều kế cá nhân hiện số theo thời gian thực	Cái	20	16.000
3	Máy bộ đàm vô tuyến UHF	Cái	10	2.600
4	Máy đo liều neutron xách tay	Máy	2	500.000

5	Máy đo tia gamma cảnh báo xuất liều bức xạ xách tay	Máy	5	100.000
6	Máy nhận diện nguồn phóng xạ và đo liều	Máy	5	550.000
7	Quần-áo-mũ-kính-yếm-găng tay chì và mặt nạ phòng độc	Bộ	20	10.000
8	Que gắp nguồn	Cái	5	7.000
9	Thiết bị laser xác định khoảng cách	Cái	2	7.500
10	Túi chì cám	Cái	10	15.000
B	Tài sản tính năng thông dụng nhưng cần thiết trang bị để dùng cho công tác chuyên môn (không phục vụ cá nhân)			
B1	Máy vi tính bàn tại các Trường (phục vụ dạy học)			
1	Khối mầm non (một lớp học /01 máy)	Bộ	1	13.000
2	Khối cấp tiểu học			
	Một phòng máy	Bộ	40	13.000
3	Khối cấp trung học cơ sở			
	Trường có trên 15 lớp học	Bộ	80	13.000
	Trường có dưới 15 lớp học	Bộ	40	13.000
4	Khối cấp trung học phổ thông			
	Trường có trên 15 lớp học	Bộ	80	13.000
	Trường có dưới 15 lớp học	Bộ	40	13.000
5	Trường Cao đẳng, Trường dạy nghề	Bộ	80	13.000
B2	Máy vi tính xách tay			
1	Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh			
	Mỗi phòng, ban trực thuộc	Máy	1	18.000
	Mỗi 01 đại biểu Hội đồng	Máy	1	18.000
2	Văn phòng UBND tỉnh	Máy	8	18.000
3	Sở , ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (trừ các Trường học)			
	Mỗi phòng, ban, khoa chuyên môn	Máy	1	18.000
4	Khối Trường học			

	Khối mầm non	Máy	1	18.000
	Khối cấp tiểu học	Máy	4	18.000
	Khối cấp trung học cơ sở	Máy	4	18.000
	Khối cấp trung học phổ thông	Máy	4	18.000
5	Trường Cao đẳng, Trường dạy nghề			
	Mỗi bộ môn	Máy	2	30.000
B3	Máy chiếu (bao gồm màn chiếu theo tiêu chuẩn) tại các Trường để phục vụ dạy học			
1	Khối mầm non	Bộ	1	50.000
2	Khối cấp tiểu học			
	Mỗi khối lớp học (2,3,4,5)	Bộ	1	50.000
3	Khối cấp trung học cơ sở			
	Mỗi khối lớp học (6,7,8,9)	Bộ	2	50.000
4	Khối cấp trung học phổ thông			
	Mỗi khối lớp học (10,11,12)	Bộ	3	50.000
5	Các Trường Cao đẳng, Trường dạy nghề			
	Mỗi bộ môn	Bộ	2	50.000
B4	Máy in tốc độ cao			
1	Văn phòng UBND tỉnh	Cái	2	20.000